

Số: 424/BCB-TTYT

Nà Hang, ngày 05 tháng 5 năm 2026

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng
yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành**

Kính gửi : Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang

Tên cơ sở : **TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC NA HANG TỈNH TUYÊN QUANG**

Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 40/TQ-GPHD.

Địa chỉ : Thôn 9, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Thạc sỹ, Bác sỹ **Trần Tuấn Bình**, số chứng chỉ hành nghề : 000886/TQ-CCHN, Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Nà Hang.

Điện thoại : 0366716868.

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng thực hành và nội dung, thời gian, địa điểm thực hành (Theo phụ lục 1).
2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (Theo phụ lục 2).
3. Chi phí hướng dẫn thực hành không thu phí.
4. Bản kê khai cơ sở vật chất của Trung tâm Y tế khu vực Nà Hang.

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-SYT ngày 10/02/2026 của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang về việc cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Trung tâm Y tế khu vực Nà Hang tỉnh tuyên Quang.

Trung tâm Y tế khu vực Nà Hang cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố. Tài liệu gửi kèm theo bản công bố.

Kính trình Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (đề nghị);
- Giám đốc TTYTKV;
- Lưu VTYT, KHTH_(Thủy)

GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Bình

ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH VÀ NỘI DUNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH

(kèm theo Ban công bố số: 424/BCH-TTYY ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Na Hang)

STT	ĐỐI TƯỢNG THỰC HÀNH	NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HÀNH	ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH
1	Bác sỹ đa khoa	Tổng thời gian thực hành: 12 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp Khoa Ngoại tổng hợp Khoa Nhi
		- Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	
		- Chuyên khoa Nội: 02 tháng	
		- Chuyên khoa Ngoại: 02 tháng	
		- Chuyên khoa Sản: 02 tháng	
2	Bác sỹ Răng - Hàm - Mắt	Tổng thời gian thực hành: 12 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp Khoa Khám bệnh
		- Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	
		- Chuyên khoa Răng - Hàm - Mắt: 09 tháng	
		Tổng thời gian thực hành: 12 tháng	
		- Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	
3	Bác sỹ Y học cổ truyền	- Chuyên khoa Y học cổ truyền: 09 tháng	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
		Tổng thời gian thực hành: 09 tháng	
		- Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	
		- Chuyên khoa Nội: 01 tháng	
		- Chuyên khoa Ngoại: 01 tháng	
4	Y sỹ đa khoa	- Chuyên khoa Sản: 01 tháng	Khoa Ngoại tổng hợp Khoa Nhi Khoa Khám bệnh
		- Chuyên khoa Nhi: 02 tháng	
		- Khoa Khám bệnh: 01 tháng	
		Tổng thời gian thực hành: 09 tháng	
		- Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng	
5	Y sỹ y học cổ truyền	- Chuyên khoa Y học cổ truyền: 06 tháng	Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
		Tổng thời gian thực hành: 06 tháng	



STT	ĐỘI TƯỢNG THỰC HÀNH	NỘI DUNG VÀ THỜI GIAN THỰC HÀNH	ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH
6	Điều dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 01 tháng - Chuyên khoa Nội: 01 tháng - Chuyên khoa Ngoại: 01 tháng - Chuyên khoa Sản: 01 tháng - Chuyên khoa Nhi: 02 tháng 	Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp Khoa Ngoại tổng hợp Khoa Nhi
7	Hộ sinh	Tổng thời gian thực hành: 06 tháng <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 01 tháng - Chuyên khoa Sản: 05 tháng 	Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp Khoa Ngoại tổng hợp
8	Kỹ thuật viên CDHA	Tổng thời gian thực hành: 06 tháng <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 01 tháng - Chuyên khoa CDHA: 05 tháng 	Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
9	Kỹ thuật viên PHCN	Tổng thời gian thực hành: 06 tháng <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 01 tháng - Chuyên khoa PHCN: 05 tháng 	Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng
10	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Tổng thời gian thực hành: 06 tháng <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 01 tháng - Chuyên khoa Xét nghiệm 05 tháng 	Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh
11	Dược	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thực hành chuyên môn 18 tháng 	Khoa Dược - Thiết bị - Vật tư Y tế



DANH SÁCH NGƯỜI HƯỞNG DẪN THỰC HÀNH

(kèm theo Bản công bố số: 424/BCB-TTYYT ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Na Hang)

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	chương chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề		Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học tập thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
					Theo CCHN	Theo Quyết định bổ sung phạm vi		
1 Khoa sức khỏe cấp cứu - Nội tổng hợp								
1	Ma Thanh Khiêm	Bác sĩ/CKI	GMHS	000448/TQ-CCHN; Số 359/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức;	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức;	33	5
2	Chu Thế Dương	Bác sĩ/CKI	Hồi sức cấp cứu	000442/TQ-CCHN; Số 185/QĐ-SYT; Số 454/QĐ-SYT	Thực hiện các kỹ thuật nội soi ống mềm đường tiêu hóa; Điện tâm đồ; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu;	Thực hiện các kỹ thuật nội soi ống mềm đường tiêu hóa; Điện tâm đồ; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu;	15	5
3	Nông Văn Tú	Bác sĩ/CKI	GMHS	003093/TQ-CCHN; Số 698/QĐ-SYT; Số 455/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Nội soi Thực quản - Dạ dày - Tá tràng; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Nội soi Thực quản - Dạ dày - Tá tràng; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	4	5
4	Mai Đức Chính	Bác sĩ/CKI	Nội	003733/TQ-CCHN; Số 1231/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Nội khoa.	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Nội khoa.	4	5
5	Nguyễn Thị Trang	Bác sĩ/CKI	Nội	003245/TQ-CCHN; Số 451/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Phục hồi chức năng	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Phục hồi chức năng	4	5
6	Nông Thị Hằng	Đại học	Điều dưỡng	000428/TQ-CCHN	Quyết định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Quyết định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	11	5
7	Ma Thị Thủy	Đại học	Điều dưỡng	000422/TQ-CCHN	Quyết định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Quyết định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	13	5
8	Đào Thị Thăng	Đại học	Điều dưỡng	0001063/TQ-CCHN	Quyết định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Quyết định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	12	5

STT	Họ và tên	Học hàm học vị/Chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	chương chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề		Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học tập thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
					Theo CCHN	Theo Quyết định bổ sung Phạm vi		
II Khoa Ngoại Tổng hợp								
1	Dương Văn Luy	Bác sĩ/CKI	Ngoại	000452/TQ-CCHN; Số 695/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh da khoa-Chuyên khoa Ngoại; Thực hiện kỹ thuật nội soi tai mũi họng	Khám bệnh, chữa bệnh da khoa-Chuyên khoa Ngoại; Thực hiện kỹ thuật nội soi tai mũi họng	26	5
2	Sung Văn Kênh	Bác sĩ/CKI	Mắt	000447/TQ-CCHN Số 518/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh da khoa; Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên ngành Nhân khoa	Khám bệnh, chữa bệnh da khoa; Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên ngành Nhân khoa	16	5
3	Hoàng Văn Vinh	Bác sĩ/CKI	Ngoại	003047/TQ-CCHN; Số 744/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh da khoa Chuyên khoa Ngoại	Khám bệnh, chữa bệnh da khoa Chuyên khoa Ngoại	13	5
4	Triệu Văn Tiếp	Bác sĩ/CKI	Ngoại	004172/TQ-CCHN; Số 1234/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh da khoa; Chuyên khoa Ngoại khoa	Khám bệnh, chữa bệnh da khoa; Chuyên khoa Ngoại khoa	4	5
5	Nguyễn Thị Liên	Bác sĩ/CKI	Sân khoa	003099/TQ-CCHN; Số 453/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sân phụ khoa	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sân phụ khoa	4	5
6	Nông Thị Duyên	Đại học	Phụ sản	000433/TQ-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức hộ sinh	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức hộ sinh	18	5
7	Vương Thị Nguyệt	Đại học	Nữ hộ sinh	0000968/TQ-CCHN	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức hộ sinh	Quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức hộ sinh	18	5
8	La Văn Sĩr	Đại học	Điều dưỡng	000432/TQ-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức y tế điều dưỡng.	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngành viên chức y tế điều dưỡng.	18	5
9	Hoàng Văn Hưng	Cao đẳng	Điều dưỡng	003418/TQ-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTL/TB-VT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTL/TB-VT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng	4	5

PHÒNG 1
Y TẾ
KHU VỰC
NÀ HẠN
*

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề		Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học tập thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
					Theo CCHN	Theo Quyết định bổ sung phạm vi		
III Khoa Nhi								
1	Nguyễn Quốc Doan	Bác sĩ/CKI	Nhi	000109/TQ-CCHN; Số 697/QĐ-SYT; Số 452/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh Da khoa hệ Nội - Nhi; Siêu âm tổng quát; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Khám bệnh, chữa bệnh Da khoa hệ Nội - Nhi; Siêu âm tổng quát; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	19	5
2	Hoàng Thị Nhung	Bác sĩ/CKI	Nhi	002954/TQ-CCHN; Số 456/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi.	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi.	4	5
3	Nông Thị Bích Diệp	Đại học	Điều dưỡng	000455/TQ-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	17	5
IV Khoa Khám bệnh								
1	Nông Mạnh Hùng	Bác sĩ/CKI	RHM	0001192/TQ-CCHN; Số 203/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh Da khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt	Khám bệnh, chữa bệnh Da khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt	13	5
2	Lê Văn Quân	Bác sĩ/CKI	TMH	000441/TQ-CCHN; Số 1631/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai-mũi-họng	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai-mũi-họng	12	5
3	Châu Đức Dũng	Bác sĩ/CKI	Ngoại	000024/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	31	5
4	Lương Thị Quyên	Đại học	Điều dưỡng	0000982/TQ-CCHN	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	Quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng.	15	5
V Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng								
1	Đoàn Thị Nhung	Đại học	YHCT	003536/TQ-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	4	5
2	Bàn Anh Tuấn	Cao đẳng	PHCN	003602/TQ-CCHN	Kỹ thuật viên vật lý trị liệu - phục hồi chức năng.	Kỹ thuật viên vật lý trị liệu - phục hồi chức năng.	4	5

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa/nội trú	Ngành/chuyên ngành đã được đào tạo	chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề		Số năm kinh nghiệm KCB	Số lượng người học tập thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành
					Theo CCHN	Theo Quyết định bổ sung phạm vi		
3	Nguyễn Thanh Thảo	Cao đẳng	PHCN	002605/TQ-CCHN	Chuyên khoa vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Chuyên khoa vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	4	5
VII Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh								
1	Triệu Thị Lành	Bác sĩ/CKI	Chẩn đoán hình ảnh	0001193/TQ-CCHN; Số 457/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh Da khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.	Khám bệnh, chữa bệnh Da khoa; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.	13	5
2	Nông Thị Hoài	KTV	Đại học	000449/TQ-CCHN; Số 696/QĐ-SYT	Kỹ thuật viên xét nghiệm; Chuyên khoa xét nghiệm.	Kỹ thuật viên xét nghiệm; Chuyên khoa xét nghiệm.	13	5
3	Dương Thị Dung	KTV	Đại học	004158/TQ-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	Chuyên khoa xét nghiệm	13	5
VIII Khoa Dược - Thiết bị - Vật tư Y tế								
1	Hoàng Thị Lương	Đại học	Dược sĩ	83/TQ-CCHN;	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức chức kinh doanh thuốc	Đủ tiêu chuẩn hành nghề dược các hình thức tổ chức kinh doanh thuốc sau: Sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ thuốc, dịch vụ bảo quản và kiểm nghiệm thuốc	19	5

Số: 423/BC- TTYT

Nà Hang, ngày 05 tháng 5 năm 2026

**BẢN KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC NA HANG TỈNH TUYÊN QUANG**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở đề nghị: Trung tâm Y tế Khu vực Na Hang tỉnh Tuyên Quang.
2. Địa chỉ: Thôn 9, xã Nà Hang, tỉnh Tuyên Quang.
Điện thoại: 02073864110. Số Fax:.....Email: ttytnahang@gmail.com.
3. Quy mô: 99 giường bệnh.

II. TỔ CHỨC:

1. Hình thức tổ chức: Bệnh viện đa khoa.
2. Cơ cấu tổ chức:
Tổng số 08 khoa, 03 phòng: Trong đó:
 - 03 phòng chức năng, bao gồm các phòng:
 - + Phòng Kế hoạch tổng hợp;
 - + Phòng Tài chính - Kế toán;
 - + Phòng Điều dưỡng và Kiểm soát nhiễm khuẩn;
 - 08 khoa lâm sàng và cận lâm sàng, bao gồm các khoa:
 - + Khoa Khám bệnh;
 - + Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp;
 - + Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh;
 - + Khoa Nhi;
 - + Khoa Ngoại tổng hợp;
 - + Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;
 - + Khoa Dược-Trang thiết bị - Vật tư y tế;
 - + Khoa Kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS - Y tế công cộng, Dinh dưỡng và Dân số.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

1. **Tổng diện tích mặt bằng:** 13.800m², diện tích sử dụng là 13.800m². Tổng diện tích xây dựng: 3.912; Tổng diện tích sàn: 8.051m².

2. Diện tích xây dựng trung bình cho 1 giường bệnh là: Giường kế hoạch (90 giường) = $89.5m^2$; Giường thực kê (99 giường) = $81.3m^2$.

3. Diện tích các khoa, phòng, buồng kỹ thuật chuyên môn, xét nghiệm, buồng bệnh:

- + Khoa khám bệnh: $216,0m^2$
- + Khoa Hồi sức cấp cứu - Nội tổng hợp: $1.635,3m^2$
- + Khoa Ngoại Tổng hợp: $777,6m^2$
- + Khoa Nhi: $388,8m^2$
- + Khoa Y học cổ truyền: $560m^2$
- + Phòng Kế hoạch Tổng hợp: $151,2m^2$.
- + Phòng Tài chính Kế toán: $108m^2$.
- + Khoa KSBT HIV/AIDS tổng diện tích là: $129,6m^2$.
- + Khoa Dược: $151,2m^2$
- + Khoa Xét nghiệm: $86,4m^2$.
- + Phòng chụp CT: $64,7m^2$
- + Phòng chụp Xquang: $64,7m^2$
- + Phòng Siêu âm: $21,6m^2$
- + Phòng Điều dưỡng: $64,8m^2$
- + Nhà Dinh dưỡng 2 tầng: Diện tích xây dựng là $170m^2$; tổng diện tích sàn là $434m^2$;
- + Nhà mổ, Hồi sức cấp cứu: Diện tích xây dựng là $960m^2$; tổng diện tích sàn là $1.700m^2$;
- + Nhà khoa dược + gara ô tô: Diện tích xây dựng là $290m^2$; tổng diện tích sàn là $573m^2$;
- + Nhà chống nhiễm khuẩn 02 tầng: Diện tích xây dựng là $200m^2$; tổng diện tích sàn là $560m^2$.
- + Nhà điều trị 3 tầng: Diện tích xây dựng: $950m^2$; tổng diện tích sàn: $2.200m^2$.
- + Nhà làm việc, khám đa khoa, xét nghiệm và cận lâm sàng: Diện tích xây dựng: $910m^2$; tổng diện tích sàn: $2.160m^2$.
- + Nhà phơi đồ vải: Diện tích xây dựng: $92m^2$; tổng diện tích sàn: $92m^2$.
- + Phân trạm biến áp: Diện tích xây dựng: $10m^2$; tổng diện tích sàn: $10m^2$.
- + Nhà đặt lò đốt chất thải rắn: Diện tích xây dựng: $25m^2$; tổng diện tích sàn: $25m^2$.
- + Nhà đặt máy nỏ: Diện tích xây dựng: $23m^2$; tổng diện tích sàn: $23m^2$.
- + Nhà trực bảo vệ + nhà nghỉ lái xe: Diện tích xây dựng: $34m^2$; tổng diện tích sàn: $34m^2$.
- + Nhà xác: Diện tích xây dựng: $70m^2$; tổng diện tích sàn: $62m^2$.

- + Khu vệ sinh ngoài trời: Diện tích xây dựng: 50m²; tổng diện tích sàn: 50m².
- + Nhà cầu số 01 + nhà cầu số 02: Diện tích xây dựng: 128m²; tổng diện tích sàn: 128m².

4. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

4.1. Hệ thống xử lý nước thải, chất thải y tế:

* Xử lý nước thải

- Trung tâm có hệ thống xử lý chất thải lỏng, nước thải công suất trung bình: 72m³ ngày/đêm.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt, nước bề mặt được chảy về ống dẫn chung xung quanh khối nhà và qua hệ thống thoát nước sinh hoạt của Trung tâm.

Nước thải phát sinh trong quá trình chuyên môn kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được dẫn qua hệ thống thoát nước từ các toà nhà vào Hệ thống xử lý chất thải lỏng dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm. Trung tâm đã bố trí các công trình xử lý nước thải phù hợp. Hiện tại công trình xử lý nước thải của BV hoạt động ổn định.

- Trung tâm thực hiện quan trắc chất lượng nước thải đầu ra với tần suất 01 lần/năm. Chất lượng nước thải sau xử lý đạt giá trị C cột B QCVN 28:2010/BTNMT được thải vào hệ thống thoát nước chung của xã.

4.2. Xử lý chất thải y tế, chất thải rắn:

Trung tâm thực hiện phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải đúng theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của BYT quy định về quản lý chất thải trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Trung tâm hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Phú Minh VINA thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế phát sinh trong quá trình khám, chữa bệnh của đơn vị. Đảm bảo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật.

5. An toàn bức xạ

- Giấy phép số 08/GP-SKHHCN ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang cấp cho thiết bị chụp X-Quang tổng hợp của Trung tâm Y tế khu vực Na Hang tỉnh Tuyên Quang.

- Giấy phép số 22/GP-SKHHCN ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang cấp cho thiết bị chụp cắt lớp vi tính CT-Scanner của Trung tâm Y tế khu vực Na Hang tỉnh Tuyên Quang.

6. Hệ thống phụ trợ:

6.1. Phòng cháy chữa cháy

- Mỗi khu vực, toà nhà có hệ thống báo cháy, hệ thống chống sét và bình chữa cháy theo quy định của PCCC.

- Có 02 bể nước chữa cháy
- Có 02 máy bơm tự động bơm nước cho hệ thống chữa cháy.
- Đã có Kế hoạch/Phương án PCCC, được Công an tỉnh phê duyệt.
- Nhân lực được tập huấn PCCC theo quy định.

6.2. Hệ thống khí y tế

- Đơn vị có hệ thống cung cấp khí oxy lỏng và máy nén khí trung tâm, với 03 bình oxy lỏng dung tích 175l khí lỏng tương đương 120.000 – 140.000l khí oxy thở.
- Hệ thống đường ống oxy tường cung cấp khí tới các phòng điều trị khoa Hồi sức cấp cứu – nội tổng hợp, khoa nhi và khu vực nhà mổ. hiện tạo hệ thống oxy trung tâm của đơn vị vận hành ổn định.

6.3. Hệ thống cung cấp điện

- Sử dụng điện từ Trạm biến áp 3 pha cung cấp hệ thống điện toàn trung tâm; Hệ thống chiếu sáng cho toàn khuôn viên.
- Có 01 máy phát điện dự phòng khi nguồn điện lưới bị ngắt.

6.4 Hệ thống Quản trị, thông tin quản lý khám chữa bệnh và Thông tin liên lạc

Trung tâm Y tế sử dụng phần mềm quản lý khám bệnh, chữa bệnh HIS – ANVIET trong hoạt động chuyên môn. Hệ thống máy tính, máy chủ được kết nối và vận hành ổn định trên mạng LAN nội bộ. Hệ thống điện thoại nội bộ được triển khai tại các khoa, phòng, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt;

Hiện tại trung tâm chưa triển khai bệnh án điện tử và đang chỉ sử dụng phần mềm quản lý khám chữa bệnh, phần mềm được khai thác thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, thống kê, báo cáo và thanh toán BHYT. Hệ thống bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu với cơ quan BHXH theo quy định; dữ liệu được sao lưu định kỳ, phân quyền người dùng.

Trên đây là báo cáo kê khai cơ sở vật chất, danh mục thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế khu vực Na Hang./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang; (báo cáo)
- Lưu: VT, KHTH_(Thủy).

GIÁM ĐỐC



Trần Tuấn Bình